

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Hà

**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Lê Thị Thanh Thủy

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1993; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1998; vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm MG 1, xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị S đăng ký kết hôn tại UBND xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/02/2016; kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp dẫn đến nhiều lần cãi vã. Vợ chồng đã hết tình cảm và sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc và không còn liên lạc với nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại và bạn

bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 08/8/2019; hiện nay con đang ở với chị S. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2024 ông Trần T trình bày: Ông là bố đẻ của chị Trần Thị S. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị S có mâu thuẫn do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên chị S bỏ về nhà ông ở một thời gian khoảng vào năm 2021 hoặc năm 2022 ông không nhớ rõ thời gian. Sau đó chị S đi làm ở Sài Gòn, ông không biết địa chỉ cụ thể. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị S bỏ về nhà ông ở cho đến nay anh T và gia đình anh T không qua lại có ý kiến nói chuyện gì với gia đình ông. Các tài liệu Tòa án gửi gia đình đã nhận được và thông báo cho chị S biết qua điện thoại, chị S biết việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con. Ý kiến của chị S là không đồng ý ly hôn với anh T vì chị S và anh T đều theo đạo thiên chúa giáo thì quy định của tôn giáo là vợ chồng kết hôn thì không được ly hôn. Chị S và anh T có 01 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 08/8/2019 hiện nay đang ở với chị S ở Sài Gòn. Chị S không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung và về tài sản.

Kết quả xác minh tại UBND xã QB: Anh Nguyễn Bá T và chị Trần Thị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/02/2016, kết hôn tự nguyện, đảm bảo các quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị S có xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì không yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Anh T và chị S có 01 con chung Nguyễn Bảo K, sinh ngày 08/8/2019. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con chung với chị S thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Nguyễn Bá T được ly hôn chị Trần Thị S; Về con, giao con chung Nguyễn Bảo K, sinh ngày 08/8/2019 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không xem

xét; Về tài sản đương sự không yêu cầu nên không xem xét; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Bá T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Trần Thị S, có nguyện vọng nuôi con chung đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Chị Trần Thị S có hộ khẩu thường trú tại xóm MG 1, xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị S là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh T và chị S có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp. Hai người sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay, anh T và chị S đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh T xin ly hôn, chị S không có mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt hợp lệ cho người thân các văn bản tố tụng nhưng chị S không có ý kiến gì; thể hiện việc bỏ mặc, không chấp hành các quy định báo gọi theo trình tự tố tụng của Tòa án, không quan tâm gì tới tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị S đã mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân, cả hai đều không có biện pháp để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T nhất quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị S.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung là Nguyễn Bảo K hiện nay đang sống với chị S, anh T đề nghị giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo tính ổn định về cuộc sống và tâm lý cho con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S vắng mặt nên không có yêu cầu, sau này chị S có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét; chị S vắng mặt nên không có yêu cầu. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Bá T được ly hôn với chị Trần Thị S.

2.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo K, sinh ngày 08/8/2019 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị S vắng mặt nên không có yêu cầu, sau này chị S có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một bên hay cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản: Anh Nguyễn Bá T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005618 ngày 12/6/2024.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã QB;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Hà**